TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CH
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:213/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/5/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH TỈNH T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vũ Hoài Ph.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa K;
2. Ông Trương Hoàng H.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Vĩnh L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ch.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch*** tham gia phiên tòa*: Ông* Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 581/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2018 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/209/QĐST-DS ngày 12/4/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1979(có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện Ch, tỉnh T.

- *Bị đơn*: Anh Lê Quang Kh, sinh năm 1981(vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện Ch, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh B trình bày: Chị và anh K sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống vào năm 2002 và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vào ngày 27/6/2008.

Qua quá trình chung sống, Chị và anh Kh đã tạo lập được:

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thanh Quang V, sinh ngày 09/6/2009;

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận;

- Về nợ chung: Không có.

Trong cuộc sống vợ chồng, thời gian đầu sống có hạnh phúc nhưng được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai không phù hợp nhau về tánh tình, nảy sinh nhiều tranh cãi, có nhiều quan điểm bất đồng, có mâu thuẫn do kinh tế gia đình, anh Khiêm không lo cho gia đình và có người đàn bà khác bên ngoài. Chị đã cố gắng hòa hợp và tìm mọi cách để hàn gắn gia đình, tiếp tục chung sống với anh Khiêm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm nữa. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng đầu năm 2017 cho đến nay.

Nay Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Kh. Khi ly hôn: Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Khiêm cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Phần trình bày của bị đơn là anh Lê Quang Kh: Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng không thu thập được tài liệu, chứng cứ từ anh Khiêm.

* Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bình. Giao cháu Vinh cho chị Bình trực tiếp nuôi dưỡng, anh Khiêm không phải cấp dưỡng nuôi cháu Vinh. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Buộc đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị B có đơn khởi kiện đối với anh Kh. Anh Kh có địa chỉ tại địa bàn huyện Chợ Gạo nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị B có đơn xin ly hôn với anh Kh. Chị B và anh Kh có tiến hành đăng ký kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con".

[3]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, chị B vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Kh. Khi ly hôn, Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng nuôi. Không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

Nguyên nhân chị B xin ly hôn với anh Kh là do anh Kh không quan tâm đến gia đình, không cùng Chị xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và anh Kh có người phụ nữ khác bên ngoài và Chị đã tìm mọi biện pháp nhưng không hàn gắn gia đình được.

Xét yêu cầu ly hôn của chị B, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh Kh đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh Kh không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng chị B. Anh Kh vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên xem như anh Kh từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét yêu cầu ly hôn của chị B.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh Kh là trầm trọng không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B để tạo cho cả hai có cuộc sống mới.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị B, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu V hiện đang sống cùng chị B và có nguyện vọng sống cùng chị B nên cần đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu V, do đó cần giao cháu V cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị B, Hội đồng xét xử nhận thấy, chị B không yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đối với anh Kh, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh Kh vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Kh.

[4]. Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của đượng sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh B. Chị B được ly hôn với anh Lê Quang Kh.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thanh Quang V, sinh ngày 09/6/2009 cho chị Bình trực tiếp nuôi dưỡng; Anh Kh không phải cấp dưỡng nuôi cháu V.

Anh Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị B phải chịu là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Chị đã nộp theo biên lai thu số 0015377 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như chị B đã thực hiện xong.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị B có quyền kháng cáo, riêng anh Kh quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- VKSND H. Ch;
- Chi cục THADS H. Ch;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã B;;
- Lưu.

(Đã ký)

Ngô Vũ Hoài Ph